TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG RIỀNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **513**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 10 – 9 - 2024
V/v: "Tranh chấp ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Ngọc Luân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Cẩm Bình.

2. Ông Huỳnh Hoàng Nam.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng tham gia phiên tòa- Bà Nguyễn Thuý An- Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 265/2024/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2024 về việc *"Tranh chấp ly hôn và nuôi con "* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 309/2024/QĐXX-ST ngày 06 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 122/2024/QĐST - HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Dương Thị H, sinh năm 1990; Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang (chị H vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn X, sinh năm 1982; Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang (anh X vắng mặt lần 2 không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 28/3/2024 nguyên đơn chị Dương Thị H trình bày:

Chị với anh Nguyễn Văn X quen biết nhau và được cha mẹ hai bên đồng ý tổ chức đám cưới vào năm 2009 trên cơ sở hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cải vả, nguyên nhân là do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng đã nhiều lần cho nhau cơ hội để khắc phục, sửa chửa nhưng không có kết quả, đã sống ly thân cho đến nay.

Nay chị xét thấy không còn tình cảm nên chị quyết định ly hôn với anh Nguyễn Văn X.

Về con chung: Trong quá trình chung sống anh chị có 01 người con chung tên Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày 30/11/2010, hiện nay cháu D đang sống cùng với gia đình.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Chị H xác định vợ chồng không có nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay chị Dương Thị H yêu cầu:

- *Về hôn nhân:* Yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn X.

- *Về con chung:* Yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày 30/10/2010 và không yêu cầu anh X cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung:* Không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- *Về nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn X đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh X đều không có mặt.

Tại phiên tòa chị H vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh X vắng mặt lần 2 không lý do.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Tuy nhiên còn vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo hướng chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của nguyên đơn chị H.

NHẬN ĐỊNH:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Dương Thị H khởi kiện tranh chấp xin ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Văn X có địa chỉ ấp H, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Nguyên đơn chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh X đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vắng mặt không lý do. Hội đồng xét xử (HĐXX) tiến hành

xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị H, anh X kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Có đăng ký kết hôn năm 2009 tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, theo chị H nguyên nhân là do tính cách và quan điểm sống giữa hai vợ chồng không phù hợp. Thực tế vợ chồng anh chị đã sống trong tình trạng ly thân nhiều năm, không ai quan tâm đến ai. Quá trình giải quyết vụ án, anh X cũng không có mặt theo thông báo để Tòa án tiến hành hòa giải, thể hiện anh không có thiện chí để giải quyết mâu thuẫn vợ chồng và tại phiên tòa hôm nay mặc dù anh X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Xét thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị đã kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh X để ổn định cuộc sống. Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chị H yêu cầu được ly hôn với anh X là hoàn toàn phù hợp theo quy định pháp luật.

[3] Về quan hệ con chung: Chị H xác nhận trong thời gian chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày 30/11/2010, hiện nay cháu D đang sống cùng với chị. HĐXX xét thấy từ khi vợ chồng chị H và anh X sống ly thân với nhau đến nay cháu D do chị H chăm sóc, nuôi dưỡng. Trong quá trình giải quyết vụ án chị H cũng có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu D đến khi trưởng thành (phù hợp theo nguyện vọng của cháu D). Do đó, xét thấy cần giao cháu D cho chị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp và đảm bảo sự ổn định của cháu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án có giải thích cho chị H về quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn nhưng chị H xác định không yêu cầu anh X cấp dưỡng, còn anh X thì không có văn bản ý kiến về việc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, việc chị H không yêu cầu anh X cấp dưỡng là hoàn toàn tự nguyện nên HĐXX không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã triệu tập anh X đúng theo quy định pháp luật nhưng anh vẫn vắng mặt không lý do nên Toà án không tiến hành hoà giải, đối chất về tài sản chung giữa chị H và anh X được. Hơn nữa chị H xác nhận chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, về phần tài sản chung HĐXX không xem xét, nếu sau này các đương sự có yêu cầu thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

[6] Về nợ chung: Chị H cam kết không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[7] Xét ý kiến của đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị H phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử chấp nhận cho chị Dương Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn X.

2. Về con chung:

Giao con chung tên Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày 30/11/2010 cho chị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi (phù hợp với nguyện vọng của con).

Anh X có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Anh X không có ý kiến, chị H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Chị H phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai số 0002831 ngày 23 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang; chị H không phải nộp thêm.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Giồng Riềng;
- Chi cục THADS huyện Giồng Riềng;
- UBND xã; Thị trấn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Ngọc Luân